

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32 /2019/DS-ST

Ngày: 22/11/2019

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Như Ý
2. Ông Dương Đức Bản

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2019/QĐST - DS ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh Đ, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ngõ 29 đường T, Tổ Dân Phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Huyền T, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số 40 P, Tổ Dân Phố 3, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.(Theo giấy ủy quyền ngày 18/7/2019 giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị Huyền T đã ký kết). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Tổ Dân Phố 3 MC, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2019 và bản tự khai ngày 20/7/2019 nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ biết nhau từ trước, anh Nguyễn Anh Đ có cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) theo giấy vay tiền, Hợp đồng vay tiền, giấy xác nhận nợ ngày 01/02/2019. Thời hạn cho vay tính từ ngày 01/02/2019 cho đến ngày 17/3/2019. Khi đến hạn trả nợ khoản vay trên thì ông Nguyễn Văn T đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho anh Đ. Mặc dù rất nhiều lần thực hiện quyền đòi nợ nhưng anh T vẫn cố tình lẩn tránh nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong giấy vay tiền ngày 01/02/2019.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, anh Nguyễn Anh Đ buộc anh Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc cho anh Nguyễn Anh Đ là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng chẵn*) và buộc anh Nguyễn Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 17/3/2019 cho đến khi nộp đơn khởi kiện, là 02 tháng trên số nợ gốc là 32.000.000 đồng. Tiền lãi tính được là $32.000.000 \times 0,83\% \times 2 \text{ tháng} = 531.000$ đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 32.531.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi hai triệu năm trăm ba mươi một nghìn đồng*)

* Đối với bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đ đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa án theo thời gian quy định. Vì vậy Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản) mặc dù hiện nay anh T vẫn có mặt tại địa phương. Điều đó cũng phù hợp với công văn trả lời của Công an phường B, thành phố Đ ngày 27/9/2019 với kết quả: Anh Nguyễn Văn T sinh ngày 19/9/1963 có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố 3 MC, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo luật định không có kết quả. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng anh Nguyễn Văn T không có mặt tại Tòa án nên các bên đương sự không tự thỏa thuận được. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho anh Đ số tiền gốc là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*)

và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn đã rút yêu cầu về phần lãi suất đối với anh T.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên không có lời trình bày, ý kiến tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua xét hỏi tại phiên tòa đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; xử: Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho anh Nguyễn Anh Đ số tiền gốc 32.000.000 đồng. Chấp nhận việc rút yêu cầu số tiền lãi suất đối với bị đơn, đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi lại tài sản cho vay là tiền, căn cứ vào giấy vay tiền viết giữa hai bên, kể từ ngày hẹn trả đến nay chưa quá 3 năm, nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", tranh chấp phát sinh giữa cá nhân và cá nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, căn cứ vào quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

[1.2] Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng chỉ có anh Đ và đại diện ủy quyền nguyên đơn đến Tòa án làm bản tự khai. Sau đó Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chỉ có anh Đ có mặt còn anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, giấy vay tiền được ký kết giữa anh Đ và anh T đã ghi đầy đủ địa chỉ của các bên và thể hiện nghĩa vụ trả nợ cho nhau. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có mặt tại Tòa án. Qua kết quả xác minh tại Công an phường B thì hiện anh T vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhưng cố tình không đến để làm việc. Việc hòa giải vụ án không thể tiến hành được, thuộc trường hợp đã triệu tập hợp lệ mà vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án đã ra Quyết định xét xử vụ

án số 127/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 để xét xử vào ngày 11/11/2019, Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập cho các bên đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 106 /2019/QĐST-DS ngày 11/11/2019 đồng thời ấn định thời gian xét xử lại ngày 22/11/2019 và tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho các bên đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 22/11/2019, bị đơn anh T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc: Căn cứ vào 01 giấy vay tiền /Hợp đồng vay tiền/giấy xác nhận nợ viết ngày 01/02/2019 với bên cho vay là anh Nguyễn Anh Đ và bên vay là anh Nguyễn Văn T mà hai bên đã ký. Các bên đã thỏa thuận về việc vay mượn tiền với số tiền 32.000.000đ có cam kết về thời gian trả nợ vào ngày 17/3/2019. Khi cho vay thì hai bên không thỏa thuận về lãi. Xét đây là sự thỏa thuận giữa các bên về xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự với nhau, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Theo trình bày của anh Đ thì anh đã nhiều lần gặp trực tiếp anh T cũng như gọi điện thoại nhưng anh T hứa hẹn mãi mà không trả nợ cho anh Đ. Quá thời hạn đã cam kết, anh T không trả nợ cho anh Đ, theo quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự “.. *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt theo quy định pháp luật các văn bản tố tụng cho bị đơn để đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn nhưng phía bị đơn không có văn bản nêu ý kiến gì để bảo vệ quyền lợi của mình mà cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Như vậy anh Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay về thời gian thanh toán nợ gốc. Theo yêu cầu của nguyên đơn buộc anh T phải trả nợ gốc là hoàn toàn có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[2.1] Về yêu cầu đối với số tiền lãi:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi 531.000đồng đối với bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc nguyên đơn rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, cần áp dụng Điều 32 Nghị quyết số: 05/2012 ngày 03/12/2012 chấp nhận cho nguyên đơn rút một phần yêu cầu.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 207; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 32 của Nghị quyết số: 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ

Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho anh Nguyễn Anh Đ với số tiền 32.000.000 đồng.

Từ ngày 23/11/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc, hàng tháng anh Nguyễn Văn T phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Anh Đ.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Anh Đ về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn T trả số tiền lãi 531.000 đồng.

3. Án phí:

Bị đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.600.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn anh Nguyễn Anh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 813.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2007/ 0005419 ngày 03/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XẾ